

Số: 42/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

THÔNG TƯ**Quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc theo yêu cầu của Tòa án nhân dân**

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 21/2023/QH15, Luật số 30/2023/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 52/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 99/2025/QH15 và Luật số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc theo yêu cầu của Tòa án nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về nguyên tắc, đối tượng, phân công trách nhiệm, trình tự và quan hệ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc theo yêu cầu của Tòa án nhân dân.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bảo vệ phiên tòa, phiên họp xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc theo yêu

cầu của Tòa án nhân dân (sau đây gọi tắt là bảo vệ phiên tòa, phiên họp) là việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại phiên tòa, phiên họp nhằm bảo đảm an toàn Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp, người có chức danh tư pháp khác và chứng cứ, đồ vật, tài liệu.

2. *Bảo vệ phiên tòa xét xử lưu động* là việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại phiên tòa xét xử được tổ chức công khai ngoài trụ sở Tòa án nhân dân.

3. *Bảo vệ phiên tòa trực tuyến* là việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại phiên tòa được tổ chức tại điểm cầu trung tâm và điểm cầu thành phần.

4. *Bảo vệ phiên tòa xét xử vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp về an ninh, trật tự* là việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại phiên tòa xét xử vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm; vụ án khi xét xử có ảnh hưởng đến chính trị, đối ngoại; vụ án có người phạm tội là cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp tỉnh trở lên; vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo; người phạm tội là người có chức sắc trong tôn giáo, người có uy tín cao trong dân tộc thiểu số.

Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ phiên tòa, phiên họp

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, quy định của Bộ Công an và nội quy phiên tòa, phiên họp.

2. Thực hiện theo kế hoạch, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nhanh chóng, thận trọng, chính xác, đúng thẩm quyền; tôn trọng Hội đồng xét xử, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều hành của Chủ tọa phiên tòa, phiên họp, người chỉ huy bảo vệ phiên tòa, phiên họp.

3. Việc bảo vệ phiên tòa, phiên họp phải bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, văn minh, sự tôn nghiêm của Tòa án nhân dân, không làm ảnh hưởng đến hoạt động xét xử tại phiên tòa, phiên họp.

Điều 4. Đối tượng bảo vệ phiên tòa, phiên họp

1. Các phiên tòa xét xử vụ án hình sự.

2. Phiên tòa, phiên họp xét xử, giải quyết các vụ án, vụ việc khác mà các vụ án, vụ việc đó ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội theo yêu cầu của Tòa án nhân dân.

3. Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa và người có chức danh tư pháp khác.

4. Hồ sơ, tài liệu, chứng cứ của vụ án, vụ việc.

5. Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ phiên tòa và tài sản có liên quan khác (bao gồm phiên tòa trực tuyến).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phân công thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp

1. Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa xét xử đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp về an ninh, trật tự theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh) thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp do Tòa án nhân dân tối cao, cấp tỉnh xét xử. Khi có yêu cầu thì bảo vệ phiên tòa của Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế; bảo vệ điểm cầu trung tâm, điểm cầu thành phần đặt bên ngoài cơ sở giam giữ của phiên tòa trực tuyến.

3. Trại tạm giam thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa trực tuyến do Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực xét xử mà điểm cầu thành phần đặt tại trại tạm giam. Trại tạm giam Công an cấp tỉnh bảo vệ phiên tòa, phiên họp do Tòa án nhân dân khu vực xét xử theo phân công của Phó Giám đốc Công an cấp tỉnh phụ trách công tác hỗ trợ tư pháp.

4. Phân trại tạm giam thuộc trại tạm giam Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp do Tòa án nhân dân khu vực xét xử; phiên tòa trực tuyến do Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực xét xử mà điểm cầu thành phần đặt tại phân trại tạm giam.

5. Trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa xét xử lưu động tổ chức tại trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch và phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp

1. Khi nhận được lịch phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, văn bản yêu cầu bảo vệ phiên tòa, phiên họp của Tòa án nhân dân có thẩm quyền hoặc văn bản của cấp trên giao, đơn vị chủ trì có trách nhiệm bố trí lực lượng, phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để bảo vệ phiên tòa, phiên họp. Mỗi phiên tòa, phiên họp phải cử ít nhất 02 cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp, căn cứ tình hình phức tạp của phiên tòa, phiên họp, xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp (nếu cần thiết). Đối với các phiên tòa xét xử vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp về an ninh, trật tự phải xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ. Kế hoạch, phương án phải được lãnh đạo có thẩm quyền phê duyệt.

Trước khi xây dựng kế hoạch bảo vệ phiên tòa, phiên họp phải nắm tình

hình thực tế, trao đổi lấy ý kiến hoặc thống nhất bằng văn bản với Tòa án nhân dân có thẩm quyền để xác định tính chất, đặc điểm của vụ án, vụ việc; số lượng bị cáo, người làm chứng, người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng và dự kiến số người tham dự; thời gian, địa điểm xét xử, khí hậu, thời tiết; hồ sơ, tài liệu, chứng cứ của vụ án, vụ việc; trang thiết bị kỹ thuật phục vụ phiên tòa; trật tự, an toàn xã hội nơi diễn ra phiên tòa (nhất là các phiên tòa xét xử các vụ án phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, khiếu kiện đông người và những yếu tố khác có liên quan, ảnh hưởng đến công tác bảo vệ).

Nội dung kế hoạch bảo vệ phiên tòa, phiên họp như sau: Mục đích, yêu cầu bảo vệ; đặc điểm tình hình địa bàn, dân cư, nhân thân của bị cáo; các nhiệm vụ cụ thể, trình tự và biện pháp tiến hành; quan hệ phối hợp giữa các đơn vị và chính quyền địa phương trong quá trình bảo vệ; tổ chức thực hiện (bao gồm phân công nhiệm vụ cho các lực lượng tham gia, vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, bố trí phương tiện, kinh phí và các điều kiện bảo đảm khác cho đơn vị và cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ; thời gian, địa điểm triển khai thực hiện kế hoạch). Phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp phải dự kiến các tình huống đột xuất có thể xảy ra, biện pháp xử lý và sơ đồ kèm theo.

3. Đối với việc bảo vệ phiên tòa xét xử vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp về an ninh, trật tự, đơn vị được giao chủ trì căn cứ vào tình hình thực tế có thể đề xuất thành lập Ban Chỉ đạo bảo vệ phiên tòa và lấy ý kiến của Tòa án nhân dân xét xử vụ án trước khi triển khai kế hoạch, phương án bảo vệ.

4. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, phương án:

a) Cục trưởng, Phó Cục trưởng phụ trách công tác hỗ trợ tư pháp Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ phiên tòa xét xử đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Giám đốc, Phó Giám đốc Công an cấp tỉnh phụ trách công tác hỗ trợ tư pháp phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp khi thành lập Ban Chỉ đạo trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp do Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thực hiện trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

d) Giám thị trại tạm giam phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp do trại tạm giam thực hiện;

đ) Trưởng phân trại tạm giam phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp do phân trại tạm giam thực hiện;

e) Giám thị trại giam, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Hiệu trưởng

trường giáo dưỡng, Trường cơ sở cai nghiện ma túy phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ phiên tòa xét xử lưu động do trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy thực hiện;

g) Thủ trưởng đơn vị khác trong Công an nhân dân có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp khi được phân công.

Điều 7. Triển khai kế hoạch, phương án và giao nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp

1. Trước khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp, người chỉ huy hoặc cán bộ được giao phụ trách bảo vệ phiên tòa, phiên họp phổ biến, quán triệt nội dung kế hoạch, phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp; giao nhiệm vụ cụ thể; kiểm tra công tác chuẩn bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của cán bộ, chiến sĩ. Tổ chức thực tập phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp (nếu cần thiết).

2. Đối với những phiên tòa xét xử vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp về an ninh, trật tự, khi thành lập Ban Chỉ đạo bảo vệ phiên tòa phải tổ chức họp để phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng, sở, ban, ngành chức năng phối hợp thực hiện trước khi triển khai kế hoạch bảo vệ.

3. Cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp phải nắm vững vị trí, nhiệm vụ được phân công bảo vệ; có mặt trước giờ khai mạc phiên tòa, phiên họp ít nhất 30 phút.

Điều 8. Kiểm tra an ninh phiên tòa, phiên họp

1. Cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp có trách nhiệm kiểm tra an ninh người tham dự phiên tòa, phiên họp, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác theo quy định của pháp luật; không để người không có nhiệm vụ vào phòng xử án, phòng kỹ thuật và khu vực xét xử.

2. Đối với việc bảo vệ phiên tòa xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp về an ninh, trật tự: Trước khi diễn ra phiên tòa xét xử phải tiến hành rà soát bom mìn, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ, chất độc tại phòng xử án, phòng nghị án và khu vực xét xử.

Điều 9. Bảo vệ phòng xử án, phòng họp

1. Cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa có trách nhiệm:

a) Yêu cầu người đến dự phiên tòa ngồi đúng vị trí quy định, giám sát chặt chẽ mọi hành vi của bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người tham dự phiên tòa;

b) Chấn chỉnh người vi phạm nội quy phiên tòa, không để xảy ra mất trật tự, an toàn xã hội; gây rối, đe dọa, tấn công Hội đồng xét xử, hủy hoại tài sản, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật

phục vụ xét xử;

c) Thi hành quyết định của Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử về việc buộc người vi phạm rời khỏi phòng xử án, khu vực xét xử; tạm giữ người gây rối trật tự phiên tòa hoặc quyết định khác theo quy định của pháp luật;

d) Ngăn chặn ngay các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy phiên tòa, gây rối trật tự khi Chủ tọa phiên tòa chưa phát hiện hoặc chưa kịp thời xử lý;

đ) Phối hợp với lực lượng áp giải quản lý, giám sát chặt chẽ, không để bị cáo có hành vi tự sát, thông cung, tấn công Hội đồng xét xử, cán bộ, chiến sĩ bảo vệ phiên tòa và những người tham dự phiên tòa;

e) Căn cứ vào tình hình thực tế, chỉ huy bảo vệ phiên tòa hoặc cán bộ được giao nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa báo cáo Chủ tọa phiên tòa hạn chế số lượng người vào phòng xử án (nếu cần thiết).

2. Cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên họp có trách nhiệm đề nghị mọi người tham dự phiên họp chấp hành nghiêm nội quy phiên họp; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội phiên họp.

Điều 10. Bảo vệ ngoài phòng xử án

1. Cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ngoài phòng xử án thường xuyên tuần tra, kiểm soát, giám sát chặt chẽ các điểm chốt, giữa các khu vực ra vào phòng xử án, khu vực cách ly, địa điểm tập kết phương tiện giao thông, tàu bay không người lái và phương tiện bay khác, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi cản trở, chống người thi hành công vụ, tấn công cán bộ áp giải hoặc đánh tháo bị cáo.

2. Phối hợp với các lực lượng khác không để xảy ra mất trật tự, an toàn xã hội khu vực ngoài phòng xử án, bố trí lối đi dự phòng trong trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn cho Hội đồng xét xử và công tác áp giải bị cáo. Nếu tình hình trật tự ngoài phòng xử án có những diễn biến phức tạp thì người chỉ huy hoặc cán bộ được giao phụ trách bảo vệ phiên tòa, phiên họp phải kịp thời báo cáo lãnh đạo cấp có thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo thực hiện.

Điều 11. Kết thúc phiên tòa, phiên họp

1. Cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp chỉ được rời khỏi vị trí bảo vệ sau khi Hội đồng xét xử, người tham dự phiên tòa, bộ phận áp giải, hộ tống đã ra khỏi khu vực xử án; những người tham dự phiên họp ra khỏi phòng họp. Người chỉ huy hoặc cán bộ được giao phụ trách bảo vệ phiên tòa, phiên họp kiểm tra quân số, phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ, ra lệnh cho cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp rời vị trí về đơn vị.

2. Tổ chức họp rút kinh nghiệm, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề nghị khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

Chương III
QUAN HỆ PHỐI HỢP THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ BẢO VỆ PHIÊN TÒA, PHIÊN HỢP

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì trong công tác bảo vệ phiên tòa, phiên họp

1. Khi nhận được lịch, quyết định đưa vụ án ra xét xử, văn bản yêu cầu bảo vệ phiên tòa, phiên họp, đơn vị chủ trì có trách nhiệm đề nghị Tòa án nhân dân cung cấp, trao đổi những thông tin liên quan đến vụ án đưa ra xét xử để phục vụ xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ phiên tòa, phiên họp và dự kiến các tình huống có thể xảy ra, biện pháp xử lý.

2. Đối với các phiên tòa xét xử vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp có trách nhiệm:

a) Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng báo cáo, đề xuất lãnh đạo Bộ Công an huy động lực lượng của đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an và Công an địa phương tham gia bảo vệ phiên tòa (nếu cần thiết);

b) Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh hoặc đơn vị khác được giao chủ trì có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Giám đốc Công an tỉnh, thành phố huy động lực lượng của đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh và tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương cơ sở tham gia công tác bảo vệ phiên tòa, phiên họp (nếu cần thiết).

3. Người chỉ huy hoặc cán bộ được giao phụ trách bảo vệ phiên tòa, phiên họp thông báo kịp thời đến Chủ tọa phiên tòa, phiên họp về tình hình, diễn biến sự việc phức tạp (nếu có).

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị trong Công an nhân dân, các cơ quan, ban, ngành, chính quyền địa phương khi phối hợp bảo vệ phiên tòa, phiên họp

1. Đối với các phiên tòa hình sự, Tòa án nhân dân gửi lịch phiên tòa xét xử tới Công an đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này: Chậm nhất 07 ngày trước ngày mở phiên tòa, đối với phiên tòa lưu động thì chậm nhất 15 ngày trước ngày mở phiên tòa; cung cấp, trao đổi những thông tin liên quan đến vụ án đưa ra xét xử khi có đề nghị của đơn vị chủ trì bảo vệ phiên tòa, phiên họp.

2. Các đơn vị trong Công an nhân dân, cơ quan, ban, ngành, chính quyền địa phương khi phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp có trách nhiệm bố trí lực lượng, phương tiện, công cụ hỗ trợ tham gia bảo vệ theo

kế hoạch đã được phân công.

3. Công an cấp xã tham gia phối hợp bảo vệ phiên tòa, phiên họp:

a) Khi nhận được yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền phải cung cấp thông tin về nhân thân bị cáo, người bị hại và các đối tượng có liên quan đến vụ án đưa ra xét xử đang cư trú trên địa bàn;

b) Công an cấp xã nơi có phiên tòa xét xử có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì bảo đảm trật tự, an toàn xã hội bên ngoài phòng xử án. Khi kết thúc phiên tòa, phiên họp, tiếp tục bảo đảm trật tự, an toàn xã hội sau khi lực lượng bảo vệ phiên tòa, phiên họp và các lực lượng tham gia phối hợp rời khỏi khu vực xét xử. Tiếp nhận, xử lý đối tượng vi phạm nội quy phiên tòa, vi phạm pháp luật khi lực lượng bảo vệ phiên tòa, phiên họp bàn giao.

4. Quan hệ phối hợp giữa đơn vị chủ trì với các đơn vị khác trong Công an nhân dân là mối quan hệ hiệp đồng chiến đấu. Cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân khi tham gia bảo vệ phiên tòa, phiên họp phải thực hiện đúng vị trí, nhiệm vụ được phân công và chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc cán bộ được giao phụ trách bảo vệ phiên tòa, phiên họp; kịp thời báo cáo chỉ huy hoặc cán bộ được giao phụ trách bảo vệ phiên tòa, phiên họp khi phát hiện các tình huống đột xuất, bất ngờ có thể ảnh hưởng đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

5. Quan hệ phối hợp giữa đơn vị chủ trì với các đơn vị, cơ quan, ban, ngành, chính quyền địa phương khi tham gia bảo vệ phiên tòa, phiên họp là thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công trong kế hoạch đã được phê duyệt.

6. Khi có vụ việc xảy ra thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều người hoặc nhiều đơn vị thì người, đơn vị phát hiện trước có trách nhiệm giải quyết vụ việc, sau đó chuyển giao cho người, đơn vị có thẩm quyền giải quyết. Nếu vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của các lực lượng đang làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phiên họp thì kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

7. Khi có vụ việc xảy ra mà trách nhiệm giải quyết ở mỗi giai đoạn khác nhau thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị khác nhau thì các đơn vị cùng bàn bạc, thống nhất giải quyết.

Chương IV

XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ PHIÊN TÒA, PHIÊN HỌP

Điều 14. Xử lý tình huống vi phạm trật tự, nội quy phiên tòa

1. Cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ người tham gia phiên tòa, phiên họp theo giấy triệu tập, giấy mời của Tòa án nhân dân, các giấy tờ khác có liên quan. Không cho người tham gia phiên tòa, phiên họp

mang đồ vật cấm vào phòng xử án, phòng họp; trường hợp phát hiện vật cấm phải thu giữ ngay và báo cáo Chủ tọa phiên tòa, phiên họp.

2. Cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ khi phát hiện người vi phạm trật tự, nội quy phiên tòa, phiên họp có trách nhiệm nhắc nhở, nếu vi phạm ở mức độ nghiêm trọng người chỉ huy hoặc cán bộ được giao phụ trách bảo vệ phiên tòa, phiên họp phải xử lý tình huống theo phương án đã được phê duyệt, kịp thời báo cáo Chủ tọa phiên tòa, phiên họp để xử lý theo quy định.

3. Trong phòng xử án, phòng họp nếu có người vi phạm nội quy phiên tòa, phiên họp mà Chủ tọa phiên tòa, phiên họp chưa phát hiện thì cán bộ, chiến sĩ bảo vệ có trách nhiệm ngăn chặn kịp thời và báo cáo Chủ tọa phiên tòa, phiên họp để xử lý theo quy định.

Điều 15. Xử lý tình huống cháy, nổ tại phiên tòa, phiên họp

1. Trường hợp phát hiện có vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được đưa vào phiên tòa, phiên họp trái quy định thì cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ có trách nhiệm báo cáo ngay Chủ tọa phiên tòa, phiên họp, cơ quan, lực lượng chuyên môn và khẩn trương triển khai thực hiện phương án đã được phê duyệt, sơ tán mọi người ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo người có thẩm quyền để chỉ đạo giải quyết.

2. Trường hợp xảy ra cháy, nổ trong phiên tòa, phiên họp thì cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ phải phối hợp với các lực lượng sơ tán ngay mọi người ra khỏi khu vực nguy hiểm theo phương án đã được duyệt; thực hiện các biện pháp, sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ dập tắt đám cháy, báo ngay cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đồng thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của người có thẩm quyền; cấp cứu người bị thương; bắt giữ ngay người có hành vi vi phạm pháp luật và bàn giao cho lực lượng chức năng giải quyết; phối hợp với công an sở tại khoanh vùng bảo vệ hiện trường phục vụ công tác điều tra.

Điều 16. Xử lý tình huống tụ tập đông người gây rối trật tự khu vực xử án

1. Khi xảy ra tình huống tụ tập đông người gây rối trật tự tại khu vực xét xử thì cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa phải giải thích, tuyên truyền, yêu cầu mọi người tự giải tán, chấm dứt việc gây rối trật tự.

2. Trường hợp sau khi giải thích, tuyên truyền nhưng những người tụ tập gây rối trật tự không chấp hành thì cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa phải triển khai ngay phương án bảo vệ phiên tòa đã được phê duyệt, tập trung lực lượng ngăn chặn hành vi gây rối, cô lập, bắt giữ người chống đối, chủ mưu, cầm đầu gây rối trật tự khi cần thiết.

3. Trường hợp xảy ra diễn biến đặc biệt nghiêm trọng thì cán bộ, chiến sĩ

làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa phải báo cáo và đề xuất ngay Chủ tọa phiên tòa dừng xét xử và bảo vệ an toàn Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và hồ sơ, tài liệu, chứng cứ của vụ án; phối hợp với cán bộ, chiến sĩ áp giải đưa bị cáo về khu vực cách ly.

Điều 17. Xử lý tình huống khủng bố, bắt cóc con tin

Trường hợp xảy ra tình huống khủng bố, bắt cóc con tin tại phiên tòa, phiên họp thì cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ có trách nhiệm báo cáo ngay Chủ tọa phiên tòa, phiên họp, cơ quan, lực lượng chuyên môn và khẩn trương triển khai thực hiện phương án đã được phê duyệt, sơ tán mọi người ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo người có thẩm quyền để chỉ đạo giải quyết; cấp cứu người bị thương; bắt giữ ngay người có hành vi vi phạm pháp luật và bàn giao cho lực lượng chức năng giải quyết.

Điều 18. Xử lý tình huống bị cáo, thân nhân bị cáo, bị hại hoặc đối tượng khác tấn công Hội đồng xét xử, người thi hành công vụ; bị cáo bỏ trốn khỏi phòng xử án

1. Khi bị cáo, thân nhân bị cáo, bị hại hoặc đối tượng khác có hành vi tấn công Hội đồng xét xử, người thi hành công vụ thì lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ triển khai phương án đã được phê duyệt, đồng thời thực hiện các biện pháp khống chế, vô hiệu hóa hành vi tấn công.

2. Chủ động bảo đảm an toàn cho Hội đồng xét xử, lực lượng tham gia bảo vệ, bắt giữ người có hành vi vi phạm, lập biên bản và giao cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp có người bị thương phải nhanh chóng sơ cấp cứu hoặc đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất để sơ cấp cứu, điều trị theo quy định.

3. Trường hợp bị cáo bỏ trốn khỏi phòng xử án, chỉ huy bảo vệ phiên tòa hoặc cán bộ được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa phải huy động lực lượng khẩn trương truy bắt bị cáo. Nếu vụ việc diễn biến phức tạp phải kịp thời báo cáo người có thẩm quyền để chỉ đạo giải quyết.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2026.
2. Thông tư số 13/2016/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa của lực lượng Công an nhân dân và Thông tư số 117/2020/TT-BCA ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BCA ngày 10 tháng 3 năm 2016 hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trường hợp những văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì những nội dung liên quan đến Thông tư này cũng sẽ được thay đổi theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Thông tư này.

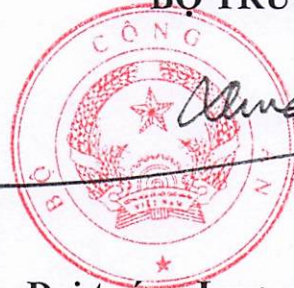
2. Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng) để có hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Công báo: Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C11 (P4).

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Lương Tam Quang